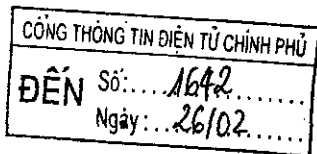


Số: 09/2013/QĐ-UBND

Đà Lạt, ngày 22 tháng 02 năm 2013



QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Bảng hệ số điều chỉnh giá đất năm 2013
trên địa bàn huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 198/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ Về thu tiền sử dụng đất và Nghị định số 120/2010/NĐ-CP ngày 30/12/2010 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 198/2004/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 93/2011/TT-BTC ngày 29 tháng 6 năm 2011 của Bộ Tài chính Sửa đổi, bổ sung Thông tư số 117/2004/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 198/2004/NĐ-CP;

Xét đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số: 379/TTr-STC ngày 07 tháng 02 năm 2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Bảng hệ số điều chỉnh giá đất năm 2013 trên địa bàn huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng để làm cơ sở:

1. Xác định nghĩa vụ tài chính khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở (công nhận quyền sử dụng đất) đối với diện tích vượt hạn mức sử dụng (hạn mức giao) đang sử dụng đối với hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng.

2. Xác định nghĩa vụ tài chính khi chuyển mục đích sử dụng đất đối với diện tích vượt hạn mức sử dụng (hạn mức giao) không phải đất ở sang đất ở của các hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng.

Điều 2. Chủ tịch UBND huyện Đơn Dương có trách nhiệm chỉ đạo Chi cục Thuế và các phòng ban chuyên môn có liên quan triển khai thực hiện.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký và bãi bỏ Quyết định số 18/2012/QĐ-UBND ngày 21/5/2012 của UBND tỉnh Lâm Đồng về việc phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất năm 2012 trên địa bàn huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Tài nguyên và Môi Trường, Xây dựng; Cục trưởng Cục Thuế; Chủ tịch UBND huyện Đơn Dương; Thủ trưởng các tổ chức, đơn vị và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /- *skaw*

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Website Chính phủ;
- Bộ Tài chính
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục KTVB (Bộ Tư pháp);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH đơn vị tỉnh Lâm Đồng;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Đài PTTH tỉnh;
- Báo Lâm Đồng;
- Như Điều 4;
- LĐ và CV VP UBND tỉnh;
- Trung tâm Tin học;
- Lưu: VT, TC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Xuân Tiến

BẢNG HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT NĂM 2013
TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN ĐƠN DƯƠNG, TỈNH LÂM ĐỒNG
(Ban hành kèm theo Quyết định số 09 /2013/QĐ-UBND ngày 22 /02/2013
của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng)

Số TT	Khu vực, đường, đoạn đường	Đơn giá đất năm 2013 (1.000 đ/m ²)	Hệ số điều chỉnh giá đất (K _{TT})
A	ĐẤT Ở ĐÔ THỊ		
I	THỊ TRẤN THANH MỸ		
I.1	Đất có mặt tiền giáp với quốc lộ 27		
1	-Từ giáp ranh giới hành chính xã Lạc Lâm đến hết dốc Bà Ký (cổng Q.lộ 27)	396	1,1
2	-Từ hết dốc Bà Ký (cổng Qlộ 27) đến Km 184 + 500	1.320	1,7
3	-Từ Km 184 + 500 đến giáp đường Nguyễn Du	1.575	1,7
4	-Từ đường Nguyễn Du đến hết đất trụ sở UBND thị trấn Thanh Mỹ	2.060	2,0
5	-Từ hết đất trụ sở UBND thị trấn Thanh Mỹ đến hết cổng 5	1.824	2,0
6	-Từ hết cổng 5 đến ngã 3 xây dựng (Đường Lý Tự Trọng)	1.485	2,0
7	-Từ ngã 3 xây dựng (Đường Lý Tự Trọng) đến đầu Km 181 + 500	1.207	1,8
8	-Từ đầu Km 181 + 500 đến giáp ranh giới hành chính xã Đa Ròn	693	1,5
I.2	Đường nhánh trong Thị trấn Thanh mỹ		
1	-Đường Lê Thị Pha (Từ giáp Qlộ 27 đến hết thửa đất số 16 tờ bản đồ 14 đất ông Xuân)	285	1,4
2	-Đường Lý Tự Trọng:		
	+Từ giáp QL27 đến hết đất Trường Dân tộc nội trú huyện	440	1,4
	+Từ hết đất Trường Dân tộc nội trú huyện đến giáp đường Nguyễn Chí Thanh	280	1,2
3	-Đường Nguyễn Thị Minh Khai (từ giáp QL27 vào đến Kênh thủy lợi)	380	1,4
4	-Đường Trần Bình Trọng	360	1,4
5	-Đường Nguyễn Chí Thanh:		
	+Từ giáp QL27 đến giáp đường Lý Tự Trọng	400	1,4
	+Từ giáp đường Lý Tự Trọng đến hết đất nhà ông Nguyễn Minh Ngôn	292	1,4
	+Từ hết đất nhà ông Nguyễn Minh Ngôn đến giáp đường Phạm Ngọc Thạch	275	1,3
6	-Đường Phan Chu Trinh (từ giáp QL27 vào đến 140m)	360	1,4

7	-Đường Phan Bội Châu: Từ giáp QL27 đến giáp đường Lê thị Hồng Gấm	380	1,4
8	-Đường Võ Thị Sáu (Từ giáp QL27 đến giáp đường Lê thị Hồng Gấm)	605	1,4
9	-Đường phía tây trụ sở UBND Thị trấn Thanh Mỹ	470	1,4
10	-Đường Nguyễn Văn Trỗi:		
	+ Từ giáp QL27 đến giáp đường Lương Thế Vinh	736	2,0
	+ Từ giáp Đường Lương Thế Vinh đến giáp kênh thủy lợi	412	1,5
11	-Đường Lê Thị Hồng Gấm (Từ giáp đường Nguyễn Văn Trỗi đến giáp đường Võ Thị Sáu)	380	1,4
12	-Đường Phạm Ngọc Thạch:		
	+Từ giáp QL27 đến hết đất Trung tâm y tế huyện	915	2,0
	+Từ hết đất Trung tâm y tế huyện đến giáp Kênh thủy lợi	637	1,4
	+Từ kênh thủy lợi đến giáp đường Nguyễn Chí Thanh	516	1,4
	+Từ giáp đường Nguyễn Chí Thanh đến cầu ông Thiều	333	1,4
13	-Đường Chu Văn An (Từ giáp đường Âu Cơ đến chợ Thanh Mỹ)	623	1,8
14	-Đường Đoàn Thị Điểm, Nguyễn Đình Chiểu	454	1,4
15	- Đường Nguyễn Viết Xuân	390	1,4
16	-Đường Trần Hưng Đạo:		
	- Từ giáp ngã ba đường Phạm Ngọc Thạch đến giáp đường Âu Cơ	602	1,8
	- Từ giáp đường Âu Cơ đến giáp đường Lạc Long Quân	432	1,8
17	-Đường Âu Cơ:		
	+Từ giáp QL27 đến giáp đường Chu Văn An	690	1,8
	+Từ giáp đường Chu Văn An đến giáp đường Trần Hưng Đạo	588	1,8
	+Từ giáp đường Trần Hưng Đạo đến giáp đường Nguyễn Văn Linh	320	1,4
18	-Đường Lê Văn Tám:		
	+Từ giáp QL27 đến giáp đường Lương Thế Vinh	877	2,0
	+ Từ giáp Đường Lương Thế Vinh đến hết đường Lê Văn Tám	385	1,4
19	-Đường Lương Thế Vinh	537	1,4
20	-Đường Lạc Long Quân:		
	+Từ giáp QL27 đến giáp đường Trần Hưng Đạo	650	1,4
	+Từ giáp đường Trần Hưng Đạo đến giáp đường Âu Cơ	320	1,4
21	-Đường Huỳnh Thúc Kháng (Từ giáp QL27 đến hết đoạn đã trải nhựa)	567	1,4
22	-Đường Nguyễn Văn Linh:		
	+Từ giáp QL27 đến giáp Thế Lữ	680	1,5
	+ Từ giáp Thế Lữ đến giáp Đường Âu Cơ	621	1,4
	+Từ giáp đường Âu Cơ đến kênh thủy lợi	432	1,4
	+Từ kênh thủy lợi đến giáp đường Phan Đình Giót	285	1,4
23	-Đường Thế Lữ	402	1,4
24	-Đường Trần Phú:		
	+ Từ giáp QL27 đến công Công an huyện	687	1,8
	+ Từ giáp công Công an huyện đến giáp suối	330	1,3
25	-Đường Bà Huyện Thanh Quan	687	1,8
26	-Đường Hoàng Diệu	687	1,8

27	-Đường Quang Trung:		
	+Từ giáp đường Nguyễn Thái Bình đến hết đoạn đường nhựa	420	1,8
	+Từ hết đoạn đường nhựa đến giáp đất trường bản	253	1,4
28	-Đường Nguyễn Thái Bình	585	1,8
29	-Đường Xuân Diệu (Từ giáp QL27 đến giáp đất nhà Ông Nguyễn Liêm)	687	1,8
30	-Đường Nguyễn Du (Từ giáp QL 27 đến giáp ngã tư Nhà thờ Tin lành)	660	1,8
31	-Đường Nguyễn Văn Cừ (từ giáp QL 27 đến giáp đường Nguyễn Thái Bình)	585	1,4
32	-Đường Phan Đình Phùng:		
	+ Từ giáp QL27 đến giáp đất Nhà máy urom tơ cũ	396	1,4
	+ Đoạn còn lại của Đường Phan Đình Phùng	280	1,4
33	-Đường từ tiếp giáp QL 27 đến hết khu hành chính Xí nghiệp Vạn Đức	397	1,4
34	-Đường Đinh Tiên Hoàng:		
	+Từ giáp QL27 đến giáp ngã ba đường đi trường bản	540	1,4
	+Từ giáp ngã ba đường đi trường bản đến hết đất Công ty Địa Ốc	290	1,4
35	-Khu vực chợ Thanh Mỹ (có một mặt tiếp giáp với chợ)	529	1,4
36	-Các đường qui hoạch phía Tây Nam chợ Thanh Mỹ	397	1,4
37	-Các đường qui hoạch mặt đường rộng 5m trở lên (Theo các bản đồ QH chi tiết)	331	1,4
38	-Các đường qui hoạch mặt đường rộng từ 3m đến 5m (Theo các bản đồ QH chi tiết)	265	1,4
39	- Đường Phan Đình Giót	275	1,4
40	- Đoạn từ giáp QL 27 đến cầu Quảng Lập	780	2,0
I.3	Các đoạn đường hẻm		
1	- Hẻm 24 (Từ giáp QL 27 vào 150m)	330	1,4
2	- Hẻm 86 (Từ giáp QL 27 đến giáp suối)	253	1,4
3	- Hẻm 194 (Từ giáp QL 27 đến giáp đất nhà dòng Phan xính)	484	1,4
4	- Hẻm 205 (Khu quy hoạch thương nghiệp cũ)	544	1,4
5	- Hẻm 371 (Từ giáp QL 27 vào 200m)	338	1,4
6	- Hẻm 447 (Từ giáp QL 27 vào 200m)	363	1,4
7	- Hẻm 387 (Từ giáp QL 27 vào 150m)	350	1,4
8	- Từ ngã ba số nhà 10 (đường Nguyễn Chí Thanh) đến giáp ngã ba đường Lý Tự Trọng (Trường Tiểu Học Nghĩa Lập 1)	275	1,4
9	- Từ ngã ba số nhà 16 (đường Nguyễn Chí Thanh) đến giáp ngã ba đường Lý Tự Trọng (Trung Tâm dạy nghề)	242	1,4
10	- Từ giáp ngã ba đường Xuân Diệu (nhà ông Phạm Tấn Đức) đến giáp ngã ba đường Nguyễn Du	275	1,4
I.5	Đất tại các khu vực không thuộc điểm I.1, I.2, I.3 Mục I Phần A	220	1,3
II	THỊ TRẤN D' RAN		
II.1	Đất có mặt tiền giáp với quốc lộ 27		
1	-Từ giáp ranh giới hành chính xã Lạc Xuân đến giáp ngã ba đường vào thôn Lạc Quảng	670	1,5
2	-Từ ngã ba đường vào thôn Lạc Quảng đến giáp ngã ba đường rẽ vào xóm Láng	761	1,5
3	-Từ ngã ba đường rẽ vào xóm Láng đến ngã 3 bùng binh thị trấn Dran (hết thửa 960 tờ 50)	1.219	1,5

4	- Từ ngã 3 bùng binh Thị trấn Dran (hết thửa 960 tờ bản đồ 50) đến cầu Dran	1.524	2,0
5	- Từ cầu Dran, đến đầu ngã 3 đường huyện lộ 412	11.400	2,0
6	- Từ đầu ngã 3 đường huyện lộ 412 đến hết đất Văn phòng - Trại nhà máy thủy điện Đa Nhim - HT - ĐM	693	1,4
7	- Từ hết đất Văn phòng nhà máy thủy điện Đa Nhim-HT-ĐM đến đầu công bẽ	440	1,4
8	- Từ đầu công bẽ đến hết đất Trạm kiểm soát Eo Gió	336	1,4
9	- Từ hết đất trạm kiểm soát Eo Gió đến giáp ranh giới hành chính tỉnh NT	247	1,4
II.2	Đất có một mặt tiền giáp với QL20		
1	- Từ giáp ngã 3 bùng binh QL 27 đi QL 20 đến giáp ngã ba nhà Ông Thanh	460	1,4
2	- Từ ngã ba nhà ông Thanh đến giáp ranh giới hành chính Xã Trạm Hành - Đà Lạt	300	1,4
II.3	Đường nhánh trong Thị trấn D'ran		
1	- Từ ngã 3 QL20 đến giáp đường Nguyễn Trãi (khu phố III)	400	1,5
2	- Đường Ngô Quyền (Từ giáp QL 27 đến giáp đất Phòng khám đa khoa khu vực Dran)	1.342	1,6
3	- Đường Bà Triệu:		
	+ Từ giáp QL 27 đến công Quảng Lạc	1.210	1,5
	+ Từ công Quảng Lạc đến giáp hành lang bảo vệ đập Đa Nhim	462	1,4
4	- Đường Hai Bà Trưng (Từ giáp QL 27 đến giáp ngã tư ông Hậu)	1.122	1,5
5	- Đường Nguyễn Trãi:		
	+ Từ giáp QL 27 đến ngã tư ông Hậu	1.276	1,6
	+ Từ ngã tư ông Hậu đến đầu cầu khóm 3	698	1,5
6	- Đường Chu Văn An (Từ cầu khóm 3 đến hành lang bảo vệ đập Đa Nhim)	415	1,4
7	- Đường Lê Văn Sỹ:	529	1,4
8	- Khu chợ và Khu xung quanh chợ (có một mặt tiếp giáp với chợ)	1.400	1,6
9	- Đường Trần Quốc Toàn:		
	+ Từ ngã 4 ông hậu đến giáp đường Ngô Quyền	800	1,5
	+ Từ đường Ngô Quyền đến giáp đường Bà Triệu	957	1,5
10	- Đường Lê Văn Tám:	760	1,5
11	- Từ giáp QL 27 đến giáp ngã ba nhà ông Nguyễn Ngọc Châu (Lạc Quảng)	435	1,4
12	- Từ giáp QL 27 đến hành lang bảo vệ đập Đa Nhim (thôn Lâm Tuyên)	434	1,4
13	- Từ giáp QL 27 (đất Văn phòng nhà máy thủy điện Đa Nhim-HT-ĐM) đến hết đất công ty Truyền tải điện 4	418	1,4
14	- Từ giáp ngã ba đường 412 đến hết đất nhà ông Nguyễn Thuận (thôn Hòa Bình)	345	1,4
15	- Từ giáp QL 27 đến giáp ngã ba đất nhà ông Nhân (Đường Nguyễn Trung Trực)	300	1,4
16	- Từ ngã ba đất nhà ông Nhân đến giáp đường Hoà Xa	250	1,4
17	- Đường Phạm Thế Hiển (từ giáp ngã 3 đường Nguyễn Trãi đến giáp ngã 3 đường Nguyễn Trãi cầu Khóm III)	400	1,5
18	- Đường Nguyễn Văn Trỗi (từ giáp QL27 đến giáp đường Trần Quốc Toàn)	600	1,5

19	- Đường Nguyễn Thái Bình (từ giáp QL27 đến giáp đường Trần Quốc Toàn)	600	1,5
20	- Từ giáp QL27 đến giáp đường 412 (khu phố đường mới)	350	1,5
21	- Từ giáp QL27 đến hết đất ông Ngọc (khu phố 1)	600	1,5
22	- Từ giáp QL27 đến giáp đất Quý tín dụng Xuân Trường (kho Hồng Sương cũ)	800	1,5
23	- Từ giáp QL27 (nhà ông Lê Thuộc) đến hành lang bảo vệ đập Đa Nhim	250	1,5
24	- Từ giáp đường Ngô Quyền đến giáp đường Nguyễn văn Trỗi	600	1,5
25	- Từ giáp đường bà Triệu đến giáp trạm Y tế D'ran	350	1,5
II.4	Đất có một mặt tiếp giáp với đường 412		
1	- Từ giáp ngã 3 QL 27 đến đầu cầu Lam Phương	583	1,4
2	- Từ cầu Lam Phương đến giáp ranh hành chính xã Lạc Xuân	372	1,4
II.5	Đất ở tại các Thôn HaMaSin, Thôn KănKin	148	1,3
II.6	Đất tại các khu vực không thuộc điểm II.1, II.2, II.3, II.4, II.5 Mục II, II.6 (Thị trấn D'Dan trên đây)	195	1,3
B	ĐẤT DÂN CƯ NÔNG THÔN		
I	KHU VỰC I		
I.1	XÃ ĐẠ RÒN		
I.1.1	Đất có một mặt tiếp giáp với QL27		
1	- Từ giáp ranh giới hành chính TT Thạnh Mỹ đến đầu cống thủy lợi ngang qua QL27	420	1,4
2	- Từ cống thủy lợi ngang qua QL 27 đến cống giữa 2 thôn Suối Thông B và STA	570	1,6
3	- Từ cống giữa 2 thôn STB và STA đến đầu ngã 3 vào Trường tiểu học Đa Ròn	528	1,6
4	- Từ ngã 3 vào Trường tiểu học Đa Ròn đến đầu ngã 3 đường vào Thôn I	583	1,6
5	- Từ ngã 3 đường vào Thôn I đến cầu Bắc Hội (ranh giới huyện Đức Trọng)	543	1,6
I.1.2	Đường Liên Thôn, Liên xã		
1	- Từ ngã 3 QL27 (nhà ông Chín Ông) đến giáp ngã 4 đất nhà ông Đỗ Mười	240	1,5
2	- Từ giáp ngã 3 thôn STB QL27 đến giáp ngã 4 (hết đất nhà Dòng nữ tu Đa Minh)	269	1,5
3	- Từ giáp ngã 4 (hết đất nhà Dòng nữ tu Đa Minh) đến giáp ngã 3 đất nhà ông Nhứt	245	1,5
4	- Từ giáp ngã 3 QL27 (đất nhà ông Nguyễn Công Đài Nguyên) đến giáp ngã 3 (hết đất nhà bà Nguyễn Thị Bốn)	240	1,5
5	- Các đường nhánh nối với đoạn đường (từ giáp ngã 3 thôn STB QL27 đến giáp ngã 4 hết đất nhà Dòng nữ tu Đa Minh) vào sâu 100m	220	1,5
6	- Từ giáp ngã 3 QL27 (cổng thôn văn hóa STA2) đến giáp ngã 3 đất nhà ông Ha Ai (thửa 146 từ 24)	220	1,5
7	- Từ giáp ngã 3 QL27 (nhà đất Phụng Kỳ) đến giáp ngã 4 (đất nhà Ka Né hết thửa 61 từ 24)	210	1,4
8	- Từ giáp ngã 3 QL27 (quán café Uyên thửa 157 từ 27) đến giáp ngã 4 9 đất nhà ông Ha Jong hết thửa 169 từ 27)	220	1,5
9	- Từ ngã 3 giáp QL27 (cổng thôn văn hóa thôn STA1) đến giáp ngã 4 (đất nhà ông Ha Chai hết thửa 125 từ 27)	220	1,5

10	- Từ giáp ngã 3 QL27 (nhà đất ông Vương Đại Tầu) đến giáp đất trường tiểu học Đa ròn	220	1,5
11	- Từ giáp ngã 3 QL27 (nhà đất ông Quốc) đến giáp ngã 3 đường giữa 2 thôn (thôn Ròn và thôn STA1)	210	1,4
12	- Từ giáp ngã 3 QL 27 đến công gác hồ Đa Ròn	215	1,5
13	- Các đường nhánh nối với đoạn đường (từ đường giữa 2 thôn Ròn và thôn STA1) đến đoạn đường (từ ngã 3 QL27 đến nhà ông Ha Ai)	200	1,5
14	- Từ giáp ngã 3 Quốc lộ 27 (nhà đất Ông Cương) đến giáp ngã 4 (hết đất trường trung học cơ sở Đa ròn)	220	1,5
15	- Từ giáp ngã 3 QL27 (nhà đất ông Biểu) đến hết đất khu tái định cư sân goll	240	1,5
16	- Từ hết đất khu tái định cư sân goll đến giáp ngã 3 (hết đất khu TĐC thôn Ròn)	230	1,5
17	- Từ giáp ngã 3 QL27 (công thôn văn hóa thôn 1) đến hết đất nhà bà Loan Xoan	240	1,5
18	- Từ giáp ngã 3 QL27 (ngã 3 Nông trường) đến giáp đường nhựa 413b	260	1,5
19	- Từ giáp ngã 3 QL27 đến giáp ngã 4 (hết đất bà Vương Thị Ngọ, đường dự án cạnh tranh Nông nghiệp)	260	1,5
20	- Từ giáp ngã 3 QL27 (cầu Bắc Hội) đến giáp ngã 3 (nhà đất ông Tiến)	250	1,5
21	- Từ giáp ngã 3 (nhà ông Tiến Tuất) đến giáp ngã 3 (hết đất nhà ông Kiểm Vui)	240	1,5
22	- Từ giáp ngã 3 (nhà ông Chánh) đến hết đất bà Yến	220	1,5
23	- Từ giáp ngã ba giáp đất Công ty Thụy Hồng Quốc tế thuê đến cầu nông trường (đường nhựa 413b)	364	1,5
I.2	XÃ LẠC LÂM		
I.2.1	Đất có mặt tiếp giáp với Quốc lộ 27		
1	- Từ giáp ranh giới hành chính Thờ Traán Thanh Mỹ đến giáp đất Công ty DVNN Lâm Đồng cũ	611	1,6
2	- Từ đất công ty DVNN Lâm Đồng cũ đến đầu cầu Lạc Sơn	880	1,6
3	- Từ cầu Lạc sơn đến giáp đầu công trình nước sạch (công máng cũ)	1.219	1,7
4	- Từ giáp đầu công trình nước sạch (công máng cũ) đến giáp ngã ba cây xăng Hùng Hoa	1.524	2,0
5	- Từ ngã ba cây xăng Hùng Hoa đến giáp ranh giới hành chính xã Lạc Xuân	1.067	2,0
I.2.2	Các đường nối với Quốc lộ 27		
1	- Từ giáp ngã 3 QL 27 (Km 187) đến cầu Ka Đô	701	1,4
2	- Từ giáp QL 27 đến giáp ngã ba đất nhà thờ Lạc Sơn	420	1,4
3	- Từ giáp ngã ba đất nhà thờ Lạc Sơn đến hết đất nhà bà Tô Phụng Thẩm	247	1,4
4	- Từ giáp QL 27 tới ngã ba hội trường thôn M'Răng	414	1,4
5	- Từ giáp QL 27 đến hết đất nhà bà Võ Thị Tâm (thôn Lạc Lâm Làng)	345	1,4
6	- Từ giáp QL 27 đến ngã ba nhà Ông Nguyễn Luyện (thôn Lạc Lâm Làng)	433	1,4
7	- Từ ngã ba nhà ông Nguyễn Luyện đến ngã ba nhà ông Trọng (thôn LạcLâm Làng)	320	1,4
8	- Từ ngã ba nhà ông Nguyễn Luyện đến giáp ngã 4 nhà ông Hồ Xuân Khắc	348	1,4

9	- Từ giáp QL 27 đến giáp đất bà Chánh (thôn Yên Khê Hạ)	467	1,4
10	- Từ đất nhà bà Chánh đến giáp ngã tư cống vuông	360	1,4
11	- Từ giáp QL 27 (Ngã ba nhà Ông Bính) đến đầu cống Ông Xừ (thôn Quỳnh Châu Đông)	500	1,4
12	- Từ cống Ông Xừ đến hết đất ông Trần Hạnh (thôn Lạc Thạnh)	397	1,4
13	- Các đường nhánh phía bắc nối với QL 27 đến đường dân cư số 10 (thuộc khu vực từ UBND xã đến giáp trường THCS Lạc Lâm)	591	1,4
14	- Đường dân cư số 10 từ UBND xã đến Trường Trung học cơ sở Lạc Lâm	437	1,4
15	- Các đường nhánh dãy phía bắc tiếp giáp với đường dân cư số 10	360	1,4
16	- Các đường nhánh Phía nam còn lại nối với QL27 vào đến 200m có bề rộng từ 3m trở lên (thuộc khu vực từ cống máng đến giáp ranh giới HC xã Lạc Xuân)	475	1,4
17	- Từ ngã 3 nhà ông Hồ Xuân Khắc đến ngã 3 nhà bà Bình Mỹ (thửa 15 tờ 04)	300	1,4
I.3	XÃ LẠC XUÂN		
I.3.1	Đất ở có mặt tiền tiếp giáp với QL27		
1	- Từ giáp ranh giới hành chính xã Lạc Lâm đến hết nghĩa địa Lạc Viên	1.067	1,7
2	- Từ giáp nghĩa địa Lạc Viên đến hết trường tiểu học Lạc Xuân	1.164	1,7
3	- Từ giáp đất Trường tiểu học Lạc Xuân đến đầu cống lờ Labuoye	500	1,5
4	- Từ cống lờ Labuoye đến giáp công chợ mới Lạc Xuân	693	1,5
5	- Từ công chợ mới Lạc Xuân đến giáp ngã ba nhà ông Trương Dừa	1.000	1,6
6	- Từ ngã ba nhà ông Trương Dừa đến giáp ranh giới hành chính thị trấn Dran	650	1,5
I.3.2	Các đường nối với Quốc lộ 27		
1	- Từ QL27 đến cầu Châu Sơn	595	1,4
2	- Từ cầu Châu Sơn đến giáp đường 412 (Thôn Châu Sơn)	342	1,4
3	- Các đường nối với QL 27 vào đến 200m (Thôn Đồng Thạnh, Lạc Viên A,B)	390	1,4
4	- Các đường nhánh còn lại nối QL27 vào 200m	330	1,4
5	- Từ giáp đường 412 đi thôn KTM Châu Sơn đến giáp suối Diom B	200	1,4
I.3.3	Đất có mặt tiếp giáp với đường 412		
1	- Từ giáp ranh giới hành chính Thị trấn Dran đến cầu Diom B	372	1,4
2	- Từ cầu Diom B đến giáp ranh giới hành chính Xã Kađô	412	1,4
I.4	XÃ KA ĐÔ		
I.4.1	Đất có mặt tiếp giáp với huyện lộ 413		
1	- Từ cầu Ka Đô đến giáp ngã ba đường cụm Công nghiệp Ka Đô đi cầu Q.Lập	670	1,4
2	- Từ giáp ngã 3 đường cụm CN Ka Đô đi cầu Quảng Lập đến ngã 3 nhà Hùng Chải (hết thửa 15 tờ 13)	920	1,8
3	- Từ giáp ngã ba nhà ông Hùng Chải đến đầu ranh thửa đất 264 TĐĐ 14 (đất nhà ông Hồng Đạt)	1.010	2,0
4	- Từ ranh thửa đất 264 TĐĐ 14 đến đầu ngã 3 Trường Trung học Ka Đô (hết thửa 229 tờ 13)	1.390	2,0

5	-Từ ngã 3 Trường Trung học Ka Đô đến giáp ngã tư Quang Yên	1.100	2,0
6	- Từ ngã tư Quang yên đến giáp ranh giới hành chính xã Quảng Lập	920	1,8
I.4.2 Đất có mặt tiếp giáp với huyện lộ 412			
1	-Từ giáp ranh giới xã Lạc xuân đến ngã tư dốc lò than	435	1,4
2	-Từ ngã tư dốc lò than đến đầu ngã tư Trường Hiệp Đức	830	2,0
3	-Từ ngã 4 trường Hiệp Đức đến ngã 3 đường 413 UBND xã (hết thửa 259 tờ 14)	1.100	2,0
I.4.3 Đường liên xã (đi Prô, Quảng lập)			
1	-Từ ngã 4 Trường Hiệp Đức đến ngã 4 Ông Thành	455	1,4
2	-Từ ngã 4 Ông Thành đến đầu ngã 3 Ông Gọn	380	1,4
3	-Từ ngã 3 Ông Gọn đến giáp ngã ba ranh giới hành chính 3 xã	243	1,4
4	- Từ giáp huyện lộ 413 ngã ba đến giáp ranh giới xã Q.Lập (đường cụm CN)	480	1,4
5	- Từ giáp huyện lộ 413 (ngã ba chùa) đến giáp ngã tư ông Thành	485	1,4
6	- Từ giáp huyện lộ 413 (Công văn hoá nghĩa hiệp 2) đến hết thửa 182 TĐĐ 12	450	1,4
7	- Từ giáp huyện lộ 412 (ngã tư dốc lò Than) đến giáp ngã tư Ông Thành	485	1,4
I.4.4 Các đường nối với huyện lộ 413			
1	-Phía đông bắc chợ	1.324	2,0
2	-Phía tây nam chợ	1.324	2,0
3	-Từ nhà ông Dương Thuần đến ngã 3 nhà bà Giáo Đoán (đường cuối chợ)	960	2,0
4	- Từ huyện lộ 413 (ngã ba nhà ông Nghiệp) đến giáp đất nhà ông Hiệp	190	1,4
5	- Từ huyện lộ 413 (ngã 3 nhà ông Sinh) đến giáp sinh Thổ Mộ (hết thửa 319 tờ 12)	231	1,4
6	- Từ huyện lộ 413 (ngã ba nhà ông Chính) đến giáp sinh Thổ Mộ (hết thửa 86 tờ 12)	237	1,4
7	- Từ huyện lộ 413 (ngã ba nhà ông Khuê) đến giáp nhà ông Khiêm (hết thửa 64 tờ 12)	237	1,4
8	- Từ huyện lộ 413 (ngã ba nhà ông Chiến) đến giáp ngã ba nhà ông Đệ (hết thửa 217 tờ số 8)	275	1,4
9	- Từ huyện lộ 413 (ngã ba nhà ông Hùng Chải) đến nhà ông Dẫn Tắc Chấn (hết thửa 255 tờ số 8)	263	1,4
10	- Từ huyện lộ 413(ngã ba nhà ông Đệ) đến giáp đất nhà ông Tuyên (hết thửa 391 tờ số 8)	275	1,4
11	- Từ huyện lộ 413 (trường Mầm Non) đến ngã ba nhà ông Minh	335	1,4
12	-Từ huyện lộ 413 (ngã ba nhà ông Việt Hùng) đến nhà Ông Bảy Hoà	504	1,4
13	- Từ huyện lộ 413 (ngã ba nhà ông Tính Cộng) đến giáp ngã ba nhà ông Diên	640	1,4
14	-Từ huyện lộ 413 (ngã ba nhà ông Lê Phú) đến giáp ngã ba nhà ông Đăng Dư	634	1,4
15	-Từ huyện lộ 413 (nhà huỳnh Đào) đến giáp ngã ba nhà Ông Hân	612	1,4
16	- Từ huyện lộ 413 (Thánh Thất Cao Đài) đến ngã ba nhà ông Minh rệu	198	1,4

17	- Từ huyện lộ 413 đến giáp ngã ba nhà ông Tư Khi (hết thửa 154 tờ số 19)	330	1,4
18	- Từ huyện lộ 413 đến giáp ngã ba nhà ông Diệu	330	1,4
19	- Từ huyện lộ 413 đến giáp ngã ba nhà ông Thành 3 Hiệu (hết thửa 273 tờ số 19)	330	1,4
20	- Từ huyện lộ 413 đến giáp Bến Lội Sáu Khanh (hết thửa 426 tờ số 19)	330	1,4
21	- Từ huyện lộ 413 đến giáp đất đình Thanh Minh (hết thửa 65 tờ số 20)	330	1,4
22	- Từ huyện lộ 413 đến ngã tư nhà ông Đính (hết thửa 02 tờ số 20)	358	1,4
23	- Từ huyện lộ 413 (ngã ba trường cấp 2) đến ngã tư nhà Sáu Chu (hết thửa 79 tờ số 20)	358	1,4
I.4.5 Các đường nối với huyện lộ 412			
1	- Từ huyện lộ 412 (ngã ba nhà ông Lịch) đến giáp ngã ba Đài Truyền hình Cũ (hết thửa 293 tờ số 8)	330	1,4
2	- Từ huyện lộ 412 (ngã tư trường Hiệp Đức) đến giáp ngã tư nhà ông Cảnh (hết thửa 385 tờ số 7)	425	1,4
3	- Từ ngã tư nhà ông Cảnh đến giáp ngã ba nhà ông Hiệp (hết thửa 105 tờ số 7)	344	1,4
4	- Từ huyện lộ 412 (Ngã ba nhà ông Chúng) đến giáp nhà bà Hồng (hết thửa 309 tờ số 14)	198	1,4
5	- Từ huyện lộ 412 (ngã ba nhà bà Hương) đến giáp ngã 3 nhà ông ông Phúc	198	1,4
6	- Từ đường 412 đến giáp ngã ba đến hết đất nhà ông Viện	198	1,4
7	- Từ huyện lộ 412 (Ngã ba ông Đới) đến ngã 3 nhà bà Ma Dương (hết thửa 165 tờ số 15)	198	1,4
8	- Từ huyện lộ 412 đến hết đất bà Bình (hết thửa 36 tờ số 6)	198	1,4
9	- Từ huyện lộ 412 (công văn hoá Ka Đô mới 2) đến giáp dốc vào đất bà Bình (hết thửa 45 tờ số 6)	198	1,4
10	- Từ huyện lộ 412 đến giáp ngã ba nhà bà Ma Khô (hết thửa 736 tờ số 15)	198	1,4
11	- Từ huyện lộ 412 (công văn hoá Taly I) đến giáp huyện lộ 412 (nhà bà Lan)	198	1,4
12	- Từ huyện lộ 412 (ngã tư dốc lò than) đến giáp ngã ba Taly 2	198	1,4
I.4.6 Các tuyến đường nông thôn còn lại			
1	- Từ ngã ba nhà ông Công đến giáp ngã ba nhà bà Khuyến (hết thửa 287 tờ số 8)	198	1,4
2	- Từ nhà ông Vinh đến nhà bà liên Đài	518	1,4
3	- Từ ngã ba đất nhà ông Dư Cao đến giáp đất nhà ông Mười Dũng	242	1,4
4	- Từ nhà ông Dũng Phở đến ngã ba giáp đất ông Điều	242	1,4
5	- Từ ngã ba nhà ông Tài đến giáp ngã ba nhà ông Gọn (hết thửa 324 tờ số 18)	242	1,4
6	- Từ ngã ba nhà bà Bảy Chiêu đến hết đất ông Trí (hết thửa 417 tờ số 13)	242	1,4
7	- Từ ngã 3 nhà ông tâm Nhiên đến hết đất ông Trung (hết thửa 386 tờ số 19)	240	1,4
8	- Từ công chào VH thôn TaLy 2 đến cuối thôn TaLy 2 (hết thửa 502 tờ số 15)	200	1,4

9	- Từ ngã 3 dốc Lò Than đến giáp ngã 3 nhà ông Dũng Phở (hết thửa 162 tờ 23)	200	1,4
I.5	XÃ QUẢNG LẬP		
I.5.1	Đất có mặt tiếp giáp với đường 413		
1	- Từ ranh giới xã Ka Đô đến giáp ranh giới đất ông Chiên (thửa 211 tờ số 3)	570	1,5
2	- Từ giáp ranh đất nhà ông Chiên (thửa 211 tờ số 3) đến giáp ngã 4 chợ cũ	735	1,8
3	- Từ giáp ngã 4 chợ cũ đến giáp ngã 3 hết đất Trại y tế xã Quảng Lập	1.240	2,0
4	- Từ hết đất Trại Y tế Quảng Lập đến giáp ngã 3 đường số 13 (hết ranh đất nhà ông Huỳnh Tấn Cường)	730	2,0
5	- Từ giáp ngã 3 đường số 13 (hết ranh đất nhà ông Huỳnh Tấn Cường) đến giáp ngã 3 rẽ đi Ka Đơn (đất ông Quảng)	440	1,4
6	- Từ ngã 3 rẽ đi Ka Đơn (đất ông Quảng) đến giáp ngã 3 ranh giới 3 xã Quảng Lập, Pró, Ka Đơn	467	1,4
7	- Từ ngã 3 chợ cũ đến đầu ngã 3 Bà Ký	620	1,4
8	- Từ đầu ngã 3 bà Ký đến hết đất nhà ông Ngô Viết Nguyên (hết thửa 62 tờ 19)	495	1,4
9	- Từ hết đất nhà ông Ngô Viết Nguyên đến đối diện ngã ba vào trường Krănggô	408	1,4
10	- Từ đối diện ngã ba vào trường Krănggô đến giáp ngã 3 ranh giới 3 xã	467	1,4
11	- Từ ngã 3 Trại xá xã Quảng Lập đến hết đất chùa Giác Ngộ	680	1,4
12	- Từ hết đất chùa Giác Ngộ đến ngã 3 đường số 8 (nhà đất ông Hà Dũng)	560	1,4
13	- Từ ngã 3 đường số 8 (nhà đất ông Hà Dũng) đến công ông Oanh	510	1,4
14	- Từ công ông Oanh đến cầu Quảng Lập	585	1,4
I.5.2	Các tuyến đường nội với đường 413		
1	- Từ giáp huyện lộ 413 (ngã 3 dốc đập) đến giáp huyện lộ 413 (ngã 3 bà Ký)	220	1,4
2	- Đường số 1:		
	+ Từ giáp huyện lộ 413 (ngã 4 chợ cũ) đến giáp huyện lộ 413b (ngã 4 trạm xá xã)	665	1,4
	+ Từ huyện lộ 413b (ngã 4 trạm xá) đến giáp ngã 3 (hết thửa 115 tờ số 9)	391	1,4
3	- Đất có mặt tiền tiếp giáp chợ mới Quảng Lập (phía đông, tây và phía nam)	880	1,8
4	- Từ giáp huyện lộ 413 (ngã 3 cửa hàng cây xăng dầu Quảng Lập) đến giáp đường số 13	220	1,4
5	- Các đường nằm trong khu quy hoạch trung tâm xã tiếp giáp giữ huyện lộ 413 và đường số 1	450	1,4
6	- Đường số 2: từ giáp ngã 3 đường số 13 đến hết ranh đất thửa 65 tờ số 10	276	1,4
7	- Đường số 3: Từ giáp ngã 3 đường số 13 đến hết ranh đất thửa 32 tờ số 10	276	1,4
8	- Đường số 4:		
	+ Từ giáp huyện lộ 413b (ngã 4) đến giáp ngã 4 đường số 11 (hết thửa 6 tờ 10)	260	1,4
	+ Từ giáp huyện lộ 413b (ngã 4) đến giáp ngã 3 đường số 13 (hết thửa 01 tờ 9)	320	1,4

9	- Đường số 5: + Từ giáp huyện lộ 413b (ngã 4) đến hết ranh đất thửa 474 tờ số 4	260	1,4
	+ Từ giáp huyện lộ 413b (ngã 4) đến giáp ngã 3 đường số 13 (hết ranh đất thửa 08 tờ số 5)	320	1,4
10	- Đường số 6 và số 7: từ giáp huyện lộ 413b đến giáp ngã 3 đường số 13	260	1,4
11	- Đường số 8 và 9: từ giáp huyện lộ 413b (ngã 3 nhà ông Hà Dũng) đến giáp huyện lộ 413 (ngã 3 nhà ông Huỳnh Tấn Cường)	312	1,4
12	- Đường số 11: Từ giáp ngã 4 đường số 1 đến giáp ngã 4 đường số 4 (hết thửa 6 tờ số 10)	327	1,4
13	- Đường số 13: từ giáp đường số 1 đến giáp đường số 7	222	1,4
14	- Từ giáp huyện lộ 413b đến giáp ranh giới hành chính xã Ka Đô (đường cụm công nghiệp Ka Đô)	480	1,4
15	- Từ giáp huyện lộ 413 ngã 3 (ranh giới hành chính xã Quảng Lập) đến giáp ngã 3 (ranh giới hành chính 3 xã Ka Đô, Pró, Quảng Lập)	220	1,4
16	- Từ giáp huyện lộ 413 ngã 3 (cây xăng Thanh Sơn, thửa 585 tờ 17) đến giáp huyện lộ 413 (ngã 3 đất ông Ngô Viết Nguyên thửa 62 tờ 19)	220	1,4
I.6	XÃ PRÓ		
I.6.1	Đất có mặt tiếp giáp với đường 413		
1	- Từ ngã 3 ranh giới hành chính xã Quảng Lập đến giáp ngã ba (giáp ranh đất ông Huỳnh Văn Hưng)	467	1,4
2	- Từ giáp ngã ba (giáp ranh đất nhà ông Huỳnh Văn Hưng) đến giáp ngã 3 nhà ông Huỳnh Tấn Cua (Thửa đất số 212, TĐĐ 314a)	467	1,4
3	- Từ ngã ba nhà ông Huỳnh Tấn Cua (thửa 212 tờ 314a) đến giáp ngã 3 nhà ông Ya Lin (thửa đất số 40, TĐĐ 314a)	408	1,4
4	- Từ ngã 3 nhà ông Ya Lin (thửa 40 tờ 314a) đến giáp ngã 3 hành chính xã Ka Đơn	467	1,4
I.6.2	Các đường nối với đường 413		
1	- Từ huyện lộ 413 (ngã ba ranh giới xã Quảng Lập) đến giáp ngã ba ranh giới ba xã (Pró, Quảng Lập, Ka Đô)	220	1,3
2	- Từ giáp thửa đất số 140 tờ 314b đến giáp ngã ba (dốc bà Đào)	220	1,3
3	- Từ huyện lộ 413 (ngã tư UBND xã) đến hết đất ông Ya Nho	253	1,3
4	- Từ huyện lộ 413 (ngã ba nhà ông Cua) đến giáp ngã ba (hết Trường Tiểu học Pró)	265	1,3
5	- Từ huyện lộ 413 (ngã ba nhà ông Ya Lin) đến giáp ngã ba (Phân Hiệu Trường Krăng gọ)	242	1,3
6	- Từ huyện lộ 413 (ngã ba Trường cấp 3 Pró) đến giáp ngã ba (hết đất ông Tou Prong Cường)	242	1,3
7	- Từ giáp ngã 3 huyện lộ 413 (thửa đất số 31 tờ 314a) đến giáp ngã 3 hết thửa 66 tờ 314a	160	1,3
I.6.3	Khu trung tâm xã		
1	- Các đường trong khu trung tâm có mặt tiếp giáp đường quy hoạch	261	1,4
I.6.4	Các tuyến đường nông thôn		

1	- Từ ngã ba ranh giới hành chính 3 xã (Pró, Quảng Lập, Ka Đôn) đến giáp ngã ba nhà ông Đinh Tấn Thảo	165	1,3
2	- Từ ngã 3 nhà Đinh Tấn Thảo đến giáp ngã 3 dốc ông Đào	198	1,3
3	- Từ ngã ba (Số nhà 114 nhà ông Nhịn) đến giáp ngã ba nhà đất ông Phiêu (đi vòng đập Tám Muống)	165	1,3
4	- Từ giáp đất ông Ya Nho đến giáp ngã ba Trường Tiểu Học Pró	165	1,3
5	- Từ ngã ba trường Tiểu Học Pró đến giáp ngã ba phân hiệu trường Krăng gọ	165	1,3
6	- Từ phân hiệu trường Krăng gọ đến giáp ngã ba nhà ông Tou Prong Cường	165	1,3
7	- Từ giáp ngã ba nhà Tou Prong Cường đến giáp ngã ba ranh giới 2 xã (Pró - Ka Đôn)	165	1,3
8	- Từ dốc bà Đào đến hết ngã 3 đôi cù	150	1,3
9	- Từ giáp ngã 3 nhà ông Đinh Tấn Thảo đến giáp ngã 3 trạm (nhà ông Mông Văn Minh)	165	1,3
10	- Từ giáp ngã 3 nhà ông Quảng đến giáp ngã 3 nhà ông Huỳnh	200	1,3
I.7	XÃ KA ĐƠN		
I.7.1	Đất có mặt tiếp giáp với đường 413		
1	- Từ ngã 3 rẽ đi Ka Đôn (đất ông Quảng) đến ngã ba ranh giới 3 xã QL, Pró, KĐ	467	1,4
2	- Từ ngã ba ranh giới 3 xã Quảng Lập, Pró, Ka Đôn đến giáp ngã ba hết ranh giới hành chính xã Pró	467	1,4
3	- Từ ngã ba hết ranh giới hành chính xã Pró đến hết ranh thửa 709 tờ 313a	405	1,4
	- Từ hết ranh thửa 709 tờ 313a đến ngã 3 đi thôn Hòa Lạc	445	1,4
4	- Từ ngã ba đi Hoà Lạc đến đầu cầu Ka Đôn	405	1,4
5	- Từ cầu Ka Đôn đến hết nhà đất ông Lâm Vũ Hà (Thôn Karai 2)	473	1,4
6	- Từ hết nhà đất ông Lâm Vũ Hà (Thôn Karai 2) đến hết đất Chùa Giác Châu	313	1,3
7	- Từ hết đất chùa Giác Châu đến đầu ngã ba vào thôn Sao Mai (nhà ông Bùi Châu)	191	1,3
8	- Từ ngã ba vào thôn Sao Mai (nhà ông Bùi Châu) đến giáp Ranh giới hành chính xã Tu Tra	318	1,3
I.7.2	Các đường nối với huyện lộ 413		
1	- Từ huyện lộ 413 (ngã 3 rẽ đi Ka Đôn đất ông Quảng) đến giáp ngã 3 huyện lộ 413 (nhà ông Hào)	170	1,3
2	- Từ huyện lộ 413 (ngã 3 đôi diện Trường Mầm non) đến ngã ba (hết thửa 383 tờ BĐ 313a)	215	1,3
3	- Từ huyện lộ 413 (ngã 3 Trường Mầm non) đến hết thửa 118 tờ BĐ 289e	187	1,3
4	- Từ huyện lộ 413 (ngã 3 nhà bà Cúc) đến ngã ba (giáp thửa 405 tờ BĐ 313a)	288	1,3
5	- Từ huyện lộ 413 (ngã 3 nhà ông Thành) đến ngã ba (hết thửa 245 tờ BĐ 289e)	187	1,3
6	- Từ huyện lộ 413 (ngã 3 nhà ông Khi) đến giáp ngã 3 (hết thửa 521 tờ BĐ 336b)	187	1,3
7	- Từ huyện lộ 413 (ngã 3 đi Hoà lạc) đến giáp sông Đa Nhim	165	1,3

8	- Từ huyện lộ 413 (ngã 3 vào thôn Sao Mai nhà ông Bùi Châu) đến giáp ngã ba đường đi thôn Ka Đơn	181	1,3
I.7.3	Khu Trung tâm xã		
1	- Khu trung tâm xã có một mặt tiếp giáp đường qui hoạch	425	1,4
2	- Từ hết thửa 495 tờ 336c (đất bà Thu) đến giáp đường quy hoạch (thửa 450 tờ 336c)	200	1,4
3	- Từ hết đường quy hoạch (nhà ông Hoan) đến ngã 3 đường vào Ka Đơn (giáp thửa 151 tờ 336c đất nhà bà Vân)	200	1,4
4	- Từ ngã 3 đường vào Ka Đơn (thửa 151 tờ 336c đất nhà bà Vân) đến hết thửa 950 tờ 335g	180	1,4
I.8	XÃ TU TRA		
I.8.1	Đất có mặt tiếp giáp với đường 413		
1	- Từ giáp ranh giới Ka Đơn đến đầu cầu ông Quý	292	1,3
2	- Từ cầu ông Quý đến giáp đất nhà thờ Tu Tra	416	1,4
3	- Từ đất nhà thờ Tu Tra đến giáp cây xăng Lạc Thạnh	505	1,4
4	- Từ cây xăng Lạc Thạnh đến hết khu qui hoạch trung tâm xã	610	1,4
5	- Từ hết khu qui hoạch Trung tâm xã đến ngã 4 đường vào thôn Ma Đanh (nhà ông Sáu)	335	1,4
6	- Từ Cây xăng Lạc Thạnh đến giáp đất trụ sở công ty CP sữa Đà Lạt	292	1,4
7	- Từ đất trụ sở Công ty CP sữa Đà Lạt đến giáp cầu Nông trường bò sữa	373	1,4
I.8.2	Khu Trung tâm xã		
1	- Các đường qui hoạch trong khu Trung tâm xã	380	1,4
I.8.3	Các đường nối với huyện lộ 413		
1	- Từ huyện lộ 413 (ngã 3 Sao Mai) đến cầu ông Thiều	273	1,4
2	- Từ huyện lộ 413 (ngã 3 cầu ông Quý) đến giáp ngã ba cầu bà Trí (thôn STC 2)	180	1,4
3	- Từ huyện lộ 413 (ngã ba bà Khánh) đến giáp ngã ba (nhà đất ông Nguyễn Thạch)	180	1,4
4	- Từ huyện lộ 413 (ngã 4 thôn Lạc Trường) đến hết nhà đất ông Lê Diên	176	1,4
5	- Từ huyện lộ 413 (ngã 4 thôn Lạc Trường) đến giáp ngã ba ông Niệm	170	1,4
6	- Từ huyện lộ 413 (ngã ba tập đoàn 1 Thôn Suối Thông C) đến ngã ba cầu bà Trí	181	1,4
7	- Từ huyện lộ 413 (ngã ba cầu NT bò sữa) đến ngã 4 (Trường Tiểu học Kambute)	181	1,4
8	- Từ Huyện lộ 413 (ngã ba cầu Nông Trường) đến giáp ngã ba nhà đất ông Phụng	198	1,4
9	- Từ huyện lộ 413 (ngã 3 nhà ông Sáu) đến hết thửa 83 tờ 41 (đất nhà bà Ma Ten thôn Ma Đanh)	165	1,4
10	- Từ giáp huyện lộ 413 (ngã 3 công ty APOLO) đến giáp ngã 3 trụ sở 2 công ty sữa Đà Lạt	276	1,4
I.8.4	Các tuyến đường nông thôn		
1	- Từ ngã ba cầu bà Trí đến giáp ngã ba (nhà đất ông Phạm Hữu Thạnh)	291	1,4
2	- Từ giáp khu qui hoạch Trung tâm xã đến ngã 3 đi R'Lom, Ma Đanh	176	1,4

3	-Từ ngã ba đường vào Madanh (nhà ông Sáu) đến giáp ngã 4 (Trường Tiểu học Kambute)	229	1,4
4	-Từ ngã tư Trường Tiểu học Kambute đến giáp ngã ba đường vào Công ty cổ phần Thăng Đạt	165	1,4
5	- Từ giáp ngã 3 đi RLom, Ma Đanh (nhà ông Thanh) đến hết thửa 65 tờ 37 (đất nhà ông Ya Minh thôn Ka Lót)	165	1,4
6	- Từ giáp ngã 3 đi RLom, Ma Đanh (nhà ông Thanh) đến hết thửa 160 tờ 33 (đất nhà bà Ma Will thôn Ma Đanh)	165	1,4
II	KHU VỰC II: Đất không thuộc khu vực I nêu trên, tiếp giáp với trục giao thông trong thôn, liên thôn có bề mặt đường rộng trên 3m.		
1	Xã Đa Ròn	178	1,3
2	Xã Lạc Lâm	240	1,4
3	Xã Lạc Xuân:		
	-Phía bắc sông Đa Nhim	222	1,4
	-Phía nam sông Đa Nhim	152	1,3
4	Xã Ka Đô	182	1,4
	Xã Quảng Lập	182	1,4
6	Xã P'Ró	151	1,3
7	Xã Ka Đon	152	1,3
8	Xã Tu Tra	157	1,3
III	KHU VỰC III: Là những vị trí còn lại trên địa bàn xã.		
1	Xã Đa Ròn	132	1,3
2	Xã Lạc Lâm	151	1,3
3	Xã Lạc Xuân:		
	-Phía bắc sông Đa Nhim	152	1,3
	-Phía nam sông Đa Nhim	120	1,2
4	Xã Ka Đô	126	1,3
	- Khu vực Thôn Ya Hoa thuộc Xã Ka đô	40	1,1
5	Xã Quảng Lập	126	1,3
6	Xã P'Ró	74	1,2
	- Khu vực Thôn Ú Tờ Lâm thuộc Xã Pró	40	1,1
7	Xã Ka Đon	74	1,2
8	Xã Tu Tra	74	1,2

C. HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP: Theo hệ số Ktt của đất ở cùng vị trí, khu vực

D. ĐẤT NÔNG NGHIỆP:

Được xác định theo 3 khu vực và 3 vị trí như sau:

- Khu vực I: Gồm các thị trấn.
- Khu vực II: Là các xã không thuộc danh mục đặc biệt khó khăn đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
- Khu vực III: Là các xã đặc biệt khó khăn (bao gồm cả các thôn đặc biệt khó khăn) đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Vị trí 1: Là những vị trí mà khoảng cách gần nhất từ thửa đất (lô đất) đến mép lộ giới của Quốc lộ, đường liên huyện và đường liên xã trong phạm vi đến 500m.

- Vị trí 2: Là những vị trí mà khoảng cách gần nhất từ thửa đất (lô đất) đến mép lộ giới của Quốc lộ, đường liên huyện và các đường liên xã trong phạm vi từ trên 500m đến 1.000m.

- Vị trí 3: Là những vị trí còn lại.

Khoảng cách để xác định vị trí thửa đất (lô đất) được xác định theo đường đi, lối đi vào đến thửa đất (lô đất).

1. Đất trồng cây hàng năm, cây lâu năm:

Stt	Khu vực	Vị trí 1		Vị trí 2		Vị trí 3	
		Đơn giá đất năm 2013	Hệ số điều chỉnh giá đất (K _{TT})	Đơn giá đất năm 2013	Hệ số điều chỉnh giá đất (K _{TT})	Đơn giá đất năm 2013	Hệ số điều chỉnh giá đất (K _{TT})
1	Khu vực I	45.000	3,0	35.000	2,5	20.000	2,2
2	Khu vực II	30.000	3,0	25.000	2,5	15.000	2,2
3	Khu vực III	25.000	3,0	20.000	2,5	11.000	2,2

2. Đất nuôi trồng thủy sản:

Stt	Khu vực	Vị trí 1		Vị trí 2		Vị trí 3	
		Đơn giá đất năm 2013	Hệ số điều chỉnh giá đất (K _{TT})	Đơn giá đất năm 2013	Hệ số điều chỉnh giá đất (K _{TT})	Đơn giá đất năm 2013	Hệ số điều chỉnh giá đất (K _{TT})
1	Khu vực I	35.000	2,5	28.000	2,2	18.000	2
2	Khu vực II	25.000	2,5	22.000	2,2	13.000	2
3	Khu vực III	18.000	2,5	15.000	2,2	9.000	2

E. HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH ĐẤT RỪNG: Hệ số K_{tt} = 1,5 lần chung cho các loại rừng. /- *khau*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Xuân Tiến